

SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA VIỆT NAM

Số: 442.../QĐ/TGD-MXV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 06... tháng 09... năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**V/v: Ban hành mức ký quỹ giao dịch hàng hóa Kim loại LME
tại Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam**

TỔNG GIÁM ĐỐC SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA VIỆT NAM

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Căn cứ Nghị định số 158/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa;
- Căn cứ Nghị định số 51/2018/NĐ-CP ngày 9/4/2018 của Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 158/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa;
- Căn cứ Giấy phép thành lập Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam số 4596/GP-BCT do Bộ Công Thương cấp ngày 01/09/2010 và các Giấy phép sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam;
- Căn cứ Quy chế Niêm yết và Giao dịch Hợp đồng Kỳ hạn tiêu chuẩn hàng hóa tại Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam;
- Xét đề nghị của Khối Quản lý giao dịch,

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Ban hành các mức ký quỹ giao dịch Hợp đồng Kỳ hạn tiêu chuẩn hàng hóa Kim loại LME tại Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam (MXV) theo như Phụ Lục 1 đính kèm.
- Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày **07/09/2021** và thay thế Quyết định số: 375/QĐ/TGD-MXV ngày 05/08/2021.
- Điều 3.** Ban Giám đốc, các Đơn vị nghiệp vụ trực thuộc Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam; Thành viên Kinh doanh; Thành viên Môi giới chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhân:

- Như Điều 3;
- Lưu: HC./.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Đương Đức Quang



PHỤ LỤC 01

**MỨC KÝ QUỸ GIAO DỊCH HỢP ĐỒNG KỶ HẠN TIÊU CHUẨN HÀNG HÓA KIM LOẠI
LME TẠI SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA VIỆT NAM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 442/QĐ/TGD-MXV của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam ngày 06 tháng 09 năm 2021)

I. Danh sách mức ký quỹ ban đầu giao dịch Hợp đồng Kỳ hạn tiêu chuẩn hàng hóa Kim loại LME

| STT | Tên hàng hóa | Mã hàng hóa | Nhóm hàng hóa | Sở Giao dịch hàng hóa nước ngoài liên thông | Mức ký quỹ ban đầu | |
|-----|--------------|-------------|---------------|---|--------------------|-----|
| | | | | | | |
| 1 | Đồng LME | LDKZ / CAD | Kim loại | LME | 15,750 | USD |
| 2 | Nhôm LME | LALZ / AHD | Kim loại | LME | 3,025 | USD |
| 3 | Chì LME | LEDZ / PBD | Kim loại | LME | 3,475 | USD |
| 4 | Thiếc LME | LTIZ / SND | Kim loại | LME | 17,705 | USD |
| 5 | Kẽm LME | LZHZ / ZDS | Kim loại | LME | 4,125 | USD |
| 6 | Niken LME | LNIZ / NID | Kim loại | LME | 7,794 | USD |

Ghi chú: Các trường hợp khác theo quy định của Sở Giao dịch hàng hóa liên thông LME.

II. Mức ký quỹ áp dụng tại MXV

- Mức ký quỹ ban đầu áp dụng tại MXV bằng 100% mức ký quỹ ban đầu tại Sở Giao dịch hàng hóa liên thông LME, được công bố trong danh sách trên.
- Mức ký quỹ ban đầu trong danh sách trên sẽ được tính toán theo tỷ giá quy đổi do MXV công bố trong từng thời điểm.